TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST
Ngày: 13 - 7 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán xăng dầu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng

Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Yến Nhi - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-KDTM ngày 17/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán xăng dầu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần T1

Địa chỉ trụ sở: số F, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Ngọc S, sinh năm 1982. Địa chỉ: số F, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2022, có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty TNHH X

Địa chỉ trụ sở chính: số D, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ú theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 11/5/2022

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1999. Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2023, có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hà Văn T - Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2022 và quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần T1 (Công ty T1) cùng người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/10/2018, Công ty T1 và Công ty TNHH X (Công ty X) ký kết Hợp đồng mua bán xăng dầu số 01/2018/HĐMB/CUULONG-TUNG CUONG với nội dung Công ty T1 bán xăng dầu các loại cho Công ty X, thời gian giao nhận hàng, số lượng hàng hóa được thể hiện trong đơn đặt hàng hoặc phụ lục hợp đồng. Ngày 01/4/2019, Công ty T1 và Công ty X ký kết Văn bản thỏa thuận với nội dung Công ty X thanh toán tiền hàng ngay khi ký phụ lục hợp đồng, trường hợp chậm thanh toán thì phải trả lãi 12%/năm. Ngày 04/6/2020, Công ty T1 và Công ty X ký kết Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ.TUNGCUONG.2020 với nội dung ghi nhận thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty X.

Thực hiện hợp đồng, hàng tháng hai công ty đều ký Biên bản xác nhận công nợ và xác nhận nợ lãi do chậm thanh toán, đến tháng 02/2022 nợ gốc là 6.861.883.980 đồng. Từ tháng 3/2022, bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty X thời điểm này không đồng ý ký văn bản xác nhận công nợ.

Công ty T1 khởi kiện, yêu cầu chấm dứt Hợp đồng mua bán xăng dầu số 01/2018/HĐMB/CUULONG-TUNG CUONG ngày 01/10/2018, yêu cầu Công ty X trả Công ty T1 công nợ đến ngày 30/6/2022 gồm nợ gốc 6.861.883.980 đồng, nợ lãi 12%/năm thành tiền 3.126.358.763 đồng, tổng cộng nợ gốc và nợ lãi 9.988.242.743 đồng.

Quá trình tiến hành tố tụng: Công ty X, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cùng trình bày Công ty X thừa nhận nợ Công ty T1 với nợ gốc 6.861.883.980 đồng, đồng ý trả tiền lãi đến ngày 31/3/2023 là 3.744.492.312 đồng, đề nghị nguyên đơn không tính lãi từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm do việc kinh doanh của bị đơn rất khó khăn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Các đương sự giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không ai giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty X trình bày ý kiến:

Bị đơn đồng ý trả nguyên đơn nợ gốc 6.861.883.980 đồng, nợ lãi đến ngày 31/3/2023 là 3.744.492.312 đồng, đề nghị không trả lãi từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn không thực hiện thủ tục tạm ngừng hoạt động kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp vì bị đơn có nhiều cơ sở kinh doanh, cần giữ thương hiệu của doanh nghiệp. Việc mất cân đối nguồn vốn kinh doanh nên bị đơn không thanh toán nguyên đơn công nợ. Mong Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh kinh doanh của bị đơn rất khó khăn để chấp nhận ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 30, 35, 40, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 24, 50, 55 của Luật Thương mại; các Điều 3, 85, 134, 430, 440, 422 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1. Chấm dứt Hợp đồng mua bán xăng dầu số 01/2018/HĐMB/CUULONG-TUNG CUONG ngày 01/10/2018 giữa Công ty T1 với Công ty X. Buộc Công ty X trả Công ty T1 số tiền nợ gốc 6.861.883.980 đồng, nợ lãi tính đến ngày 13/7/2023 là 3.979.112.345 đồng, tổng cộng: 10.840.996.325 đồng. Buộc Công ty X nộp số tiền 118.841.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty X khởi kiện Công ty T1 tranh chấp hợp đồng mua bán xăng dầu vì cho rằng có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm là có quyền khởi kiện. Công ty X, Công ty T1 lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long là nơi có trụ sở bên bán để giải quyết tranh chấp tại Điều 9 của Hợp đồng mua bán xăng dầu số 01/2018/HĐMB/CUULONG-TUNG CUONG nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 30, 35, 40, 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Hợp đồng mua bán xăng dầu số 01/2018/HĐMB/CUULONG-TUNG CUONG ngày 01/10/2018, Văn bản thỏa thuận ngày 01/4/2019, Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ.TUNGCUONG.2020 ngày 04/6/2020 được nguyên đơn, bị đơn xác định do hai bên tự nguyện xác lập. Đây là những tình tiết, sự kiện rõ ràng được đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng mua bán, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng. Nguyên đơn đã chấm dứt giao xăng dầu các loại cho bị đơn từ ngày 01/4/2019. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận bị đơn nợ Công ty T1 nợ gốc 6.861.883.980 đồng và đồng ý trả, đồng ý chấm dứt hợp đồng mua bán xăng dầu với nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chấm dứt Hợp đồng mua bán xăng dầu số 01/2018/HĐMB/CUULONG-TUNG CUONG ngày 01/10/2018, buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc 6.861.883.980 đồng.

[3] Công ty X đề nghị nguyên đơn không tính lãi từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy, tại Công văn số 3002/SKHĐT-ĐKKD ngày 07/11/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ xác định Công ty X vẫn còn tồn tại trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, không nhận thông báo tạm ngừng kinh doanh hay giải thể của doanh nghiệp. Như vậy, Công ty X trình bày khó khăn trong kinh doanh đề nghị giảm một phần tiền lãi nhưng không nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh cơ sở pháp lý của yêu cầu giảm lãi và nguyên đơn cũng không đồng ý giảm tiền lãi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận đề nghị giảm một phần tiền lãi của bị đơn.

Mức lãi suất chậm thanh toán 12%/năm do nguyên đơn, bị đơn tự nguyện thỏa thuận tại Văn bản thỏa thuận ngày 01/4/2019 phù hợp quy định tại Điều 11 của Luật Thương mại nên hai bên phải tôn trọng và thực hiện thỏa thuận. Tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm buộc Công ty X phải trả nguyên đơn là 3.979.112.345 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi 10.840.996.325 đồng.

[4] Án phí: Buộc Công ty X nộp số tiền 118.841.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có căn cứ để chấp nhận. Chấp nhận một phần ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 40, 92, 147, 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 11, 24, 50, 306 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T1.

Chấm dứt Hợp đồng mua bán xăng dầu số 01/2018/HĐMB/CUULONG-TUNG CUONG ngày 01/10/2018 giữa Công ty Cổ phần T1 với Công ty TNHH X.

Buộc Công ty TNHH X trả Công ty Cổ phần T1 số tiền nợ gốc 6.861.883.980 đồng (sáu tỷ tám trăm sáu mươi mốt triệu tám trăm tám mươi ba ngàn chín trăm tám mươi đồng), nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 3.979.112.345 đồng (ba tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu một trăm mười hai ngàn ba trăm bốn mươi lăm đồng), tổng cộng: 10.840.996.325 đồng (mười tỷ tám trăm bốn mươi triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Buộc Công ty TNHH X nộp số tiền 118.841.000 đồng (một trăm mười tám triệu tám trăm bốn mươi mốt ngàn đồng) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty Cổ phần T1 số tiền tạm ứng án phí 57.731.000 đồng (năm mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi mốt ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số No 0001524 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân